

Mật Tạng Bộ 4 _ No.1225 (Tr.135 _ Tr.141)

ĐẠI UY NỘ Ô SÁP SA MA NGHI QUỸ KINH

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phan Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Hết thầy Phật mười phương
Đấng **Diệu Trí** cứu tế
Thường trụ **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Vì thế con cúi lạy
Phổ Hiền (Samanta-bhadra) tức chư Phật
Nhận chức **Trì Kim Cương** (Vajradhāra)
Điều phục kẻ khó phục
Hiện Thể **Minh Vương** (Vidya-dhāra-rāja) này
Dùng Pháp Thắng đó nên
Cùng với Tịnh, Bất Tịnh
Bạc Chân Ngôn, trước nên
Pháp **Thừa Sự** ban đầu
Dùng **Tử Đàn** xoa đất
Tròn, vuông tùy ý thành
Y theo phương Đông ấy
Đặt trước Tượng Bản Tôn
Lấy hai bình **Át Già** (Argha)
Chứa nước thơm đầy tràn
Lò đốt mọi hương thơm
Một bình rộng chứa nước
Đặt ngay bên trong Đàn
Có ăn hoặc chẳng ăn
Rửa ráy cũng như vậy
Năm vóc sát đất lễ
Mười phương Phật **Bồ Tát**
Kính Đại Thừa Phương Quảng
Chấp tay nên chí tâm
Quy gối phải sát đất
Nghịch bất thiện nhiều đời
Mọi tội bày tỏ hết
Nay dùng tâm thành thật
Tùy Sám Nguyện thanh tịnh
Như trước phát nguyện xong
Ngồi Toàn Già, Bán Già
Hưng Tâm Đại Bồ Đề

Bền chắc không buông bỏ

_ Hương thơm xoa tay, kết

Phật Bộ Tam Muội Gia

Chắp hai tay giữa rỗng

Mở Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi co

Vịn phần đầu Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa)

Vạch thứ nhất lưng ngón

Lại co đầu Thiên Trí (2 ngón cái)

Đặt ở dưới Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Cạnh vạch lông thứ nhất

Đặt Ấn ngang trái tim



Đề Quán (chân thật quán) **Như Lai Nghi**

Dùng Chân Ngôn sau là:

“**Ấn Đát tha tát đồ nạp bà phộc dã, sa phộc hạ**”

唵 不 也 打 不 系 不 也 唵 不 也

OM TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tụng **Tông Trì** ba lần

Cảnh Giác các Như Lai

Hào quang chạm khắp thân

Diệt Phiền Não, trừ Nghiệp

Sau nên đặt trên đỉnh

Buông Ấn thành Gia Trì

_ Tiếp kết **Liên Hoa Bộ**

Tam Muội Gia Khế Tướng

Hai tay hợp như trước

Mở Giới Phương (2 ngón vô danh) Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa)

Tiến Lực (2 ngón trỏ) cũng như vậy

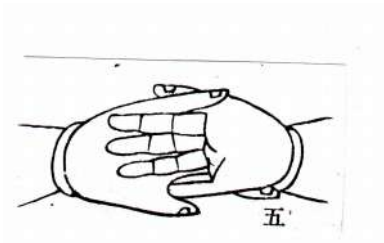
Như Sen tám cánh nở

Đặt Ấn trên trái tim



Tướng Quán Tự Tại Tôn
Đầy đủ như Tôn Nghi
Tụng Tổng Trì ba lần
“Ấn _ Bả nạp mộ nạp bà phộc dã, sa phộc hạ “
ॐ पद्म उड्भवया स्वहा
OM _ PADMA UDBHAVĀYA SVĀHĀ
Cảnh Giác Liên Hoa Bộ
Thánh Chúng phát hào quang
Chiếu chạm thân Hành Giả
Tiêu ám (hết ám chướng), làm bạn Ta
Đặt Ấn bên phải đỉnh
Tùy ý mà buông Ấn

_ Lại kết Kim Cương Giáp
Tam Muội Gia Mật Ấn
Duỗi hai bàn tay xong
Ngửa phải, úp tay trái
Sao cho lưng dính nhau
Đàn (ngón út phải) móc nơi Trí Độ (ngón cái trái)
Tuệ (ngón út trái) móc kết với Thiền (ngón cái phải)
Như **Thập Cổ Kim Cương**
Đem đặt ngang trái tim



Tụng **Minh**, quán **Bộ Chủ**
“Ấn _ Phộc nhật lô nạp bà phộc dã, sa phộc hạ“
ॐ वज्र उड्भवया स्वहा
OM _ VAJRA UDBHAVĀYA SVĀHĀ
Cảnh Giác Chúng Kim Cương
Thánh Giả phóng hào quang
Chiếu chạm người tu hành
Gia trì, làm bạn lành
Buông Ấn bên trái đỉnh

_ Hai tay cài bên trong
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) thành chóp núi
Hơi co Tiến Lực Độ (2 ngón trở)
Sát cạnh giữa chóp núi

Kèm Thiên Trí (2 ngón cái) duỗi ra
Tam Cổ hành xong rồi
 Ấn trên trán, vai phải
 Vai trái, tim cũng vậy
 Sau đó đến cổ họng
 Ấn xong thành Hộ Thân



Đều tụng Minh có sau
 “**Ấn _ Phộc nhật la kỳ nễ, bát la niệm bả đá dĩa, sa phộc hạ**“
 ॐ वज्र अग्नि प्रदीप्य स्वहा
 OM _ VAJRA AGNI PRADĪPTĀYA SVĀHĀ
 Uy quang phát lửa mạnh
 Ma Đẳng không dám lẩn

Hai tay nắm **Hư Quyền**
 Thiên Trí (2 ngón cái) vịn ngón khác
 Mở Quyền phải nắm trái
 Tiên (Ngón trở phải) thẳng như ngọn núi
 Nâng đặt ở đỉnh đầu

Đại Tâm Chân Ngôn là :
 “**Ấn _ Phộc nhật la câu lỗ đà, ma ha ba la, ha năng, ná ha, bả giả, vĩ đà vọng sa dĩa. Ô khu sắt ma câu lỗ đà, hồng, phát tra**“
 ॐ वज्रकrodha महाबला हाना दाहा पाका विध्वंसया उच्छुष्माकrodha हुम फाट स्वहा
 OM _ VAJRA-KRODHA MAHĀ-BALA HANA DAHA PACA VIDHVAMŚAYĀ UCCHUṢMA-KRODHA HŪM PHAṬ_ SVĀHĀ
 Như vậy ba biển xong
 Đầu mình giống Bản Tôn

Co ngón Tiên (ngón trở phải) **Đầu Khế**
 Vào chường , duỗi Lục Độ (ngón trở trái)
 Liên thành tướng **Đỉnh Khế**
 “**Ấn _ Nhập phộc la, nhập phộc la, tát phộc nộ sắt kiềm, sa đảm bà dĩa, sa đảm bà dĩa, nễ la viên la, nễ sắt kiềm, nễ phộc la dĩa, ngật la xoa, ngật la xoa, hàm, sa phộc hạ**“
 ॐ ज्वाला ज्वाला सर्वा दुष्टा स्तम्भया स्तम्भया दूर्ध्वारा दुष्टा निवारया राक्षा राक्षा माम स्वहा
 OM _ JVALA JVALA _ SARVA DUṢṬA STAMBHAYA STAMBHAYA _ DURDHARA DUṢṬA NIVĀRAYĀ RAKṢA _ RAKṢA MĀM _ SVĀHĀ

Xung tụng ba biến xong
Cũng đồng **Đỉnh Bản Tôn**

_ Hai Khế Tướng như trước
_ Đều co Tiến Lực Độ (2 ngón trở)
_ Thế vịn nhau như vòng
_ Liên thành **Ngũ Xứ Giáp**

“**Án** _ **Tát phộc già diêm, ma ha đế niêm, phộc nhật la xá nê, phộc nhật la bá xá, ma ha bát la vĩ xả, tát phộc nê sắt kiêm, sa đảm bà dã, sa đảm bà dã, hồng, phán tra** “

ॐ सर्व गजम् महत्तेजम् वाज्रसानी वाज्रापसा महत्प्रिय सर्व सुष्ठु मङ्गल
मङ्गलं कुरुते

OM _ SARVA GAJAM MAHĀ-TEJAM VAJRĀSĀNI _VAJRA-PĀŚA _
MAHĀ-PRAVIŚA, SARVA DUŚṬA, STAMBHAYA STAMBHAYA _ HŪM PHAT

_ Hai tay cài bên trong
_ Mở chương duỗi các ngón
_ Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) thành ngón
_ Hơi co lỏng Thiên Trí (2 ngón cái)
_ Cùng vịn cạnh Tiến Lực (2 ngón trở)
_ Thành **Cận Giáp Phổ Diễm**
_ Tụng thành tâm Chân Ngôn
_ Đặt **Án** ngang lòng ngực
_ Thi Minh Cú ba lần
_ Tâm đồng với Bản Tôn

_ Sửa **Giáp**, Tiến Lực (2 ngón trở) vòng
_ Ráng duỗi tự hợp nhau
_ Như kim, tên **Phụng Án**
_ Tụng Chân Ngôn sau là :
_ “**Án** _ **Câu lỗ đà năng, hồng, nhạ** “

ॐ कrodha कुरुते

OM _ KRODHANA HŪM JAḤ

_ Lại bày **Phổ Diễm Khế**
_ Thiên Trí (2 ngón cái) thành cây kim
_ Dùng Chân Ngôn Căn Bản
_ Tên **Độc Cổ Kim Cương**

“**Án** _ **Hồng phán tra, phát phát. Ô khát la, thú la bá ninh, hồng hồng hồng, phát phát phát. Án, nhiều để ninh la năng ná. Án, án , án, ma ha ba la, sa phộc hạ** “

ॐ कुरुते कुरुते कुरुते ॐ ह्रीं कुरुते कुरुते कुरुते
ॐ ह्रीं कुरुते कुरुते कुरुते

ॐ ॐ ॐ म न व र्ज ष न ॥

OM HŪM PHAT PHAT PHAT_ URGĀ ŚŪRAPĀNI
HŪM HŪM HŪM PHAT PHAT PHAT
OM JYOTIRNĀDA HŪM HŪM HŪM PHAT PHAT PHAT
OM OM OM MAHĀ-BALĀ SVĀHĀ

Bản Tôn vào toàn thân
Liên đồng Thê Đại Lục
Giữ vững bền **Địa** ấy
Sẽ đồng **Kim Cương Quyết**

_Giới Độ (Ngón vô danh phải) giữa Phương (ngón vô danh trái) Tuệ (Ngón trở trái)

Nhẫn (Ngón giữa phải) co nơi Nguyệt (Ngón giữa trái) Lục (Ngón trở trái)
Phương (Ngón vô danh trái) lại vào Đản (ngón út phải) Giới (Ngón vô danh phải)
Nguyệt (Ngón giữa trái) ở trong Nhẫn (Ngón giữa phải) Tiên (Ngón trở phải)
Ngón khác đều duỗi thẳng
Hợp nhau thành **Tam Cỗ**
Dem Thiên Trí (2 ngón cái) chống đất



Mỗi rút mỗi xung **Minh**

“**Án_ Chỉ lý chỉ lý phộc nhật-la, phộc nhật lệ, bộ luật, mãn đà mãn đà, hồng, phát tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ व ज व र्ज सु र् व व र्ज ष न ॥

OM_ KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA
HŪM PHAT_ SVĀHĀ

Dưới đến Kim Cương Luân
Bền chắc không thể hoại

_Theo **Quyết** trước làm gốc
Mở Thiên Trí (2 ngón cái) hết cỡ
Thẳng cứng liền thành **Đản**



Chuyển ba lần tụng **Minh**

“**Án_ Sa la sa la, phộc nhật la, bát la ca la, hồng, phát tra**”

ॐ म र् म र् व र्ज ष न ॥

OM_ SARA SARA VAJRA PRAKARA HŪM PHAT

_ Chân thành tưởng nơi ngụ
Sinh biển lớn lặng trong
Tụng tiếp Chân Ngôn sau
Bảy biển sẽ thành tựu
“**Án_ Vĩ ma lô ná địa, sa phộc hạ**”
ॐ वीमल उदधि स्वहा
OM_ VIMALA UDADHI SVĀHĀ

_ Tiếp nên tưởng biển đó
Phun núi Đại Tu Di
Lại tụng Chân Ngôn này
Qua bảy biển mới dừng
“**Án_ A giả la, hồng**”
ॐ अकाल हूँ
OM_ ACALA HŪM

_ Lại tưởng trên núi báu
Tòa Sư Tử trang nghiêm
Minh đó tụng như sau
Cũng bảy biển mới dừng
“**Án_ A giả la, vị lệ, sa phộc ha**”
ॐ अकाल वीरे स्वहा
OM_ ACALA VĪRE SVĀHĀ

_ Trên Tòa Pháp Sư Tử
Sen báu trăm ngàn cánh
Tươi tốt thơm tinh khiết
Tụng Mật Ngôn này là
“**Án_ Ca ma la, sa phộc ha**”
ॐ कमल स्वहा
OM_ KAMALA SVĀHĀ

_ Ở trong hoa sen đó
Có lầu gác mọi báu
Rũ treo phương lụa đẹp
Lưới Võng Căng Thiết Ni
Tụng Chân Ngôn như sau
Bảy biển, tưởng tùy thành
“**Ná mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ du, vĩ thấp phộc mộ khế tỳ dục, tát phộc tha khiếm, ô ná nga đế, sa phả lệ, hàm, nga nga ná kiếm, sa phộc ha**”
ॐ मत्स्यै नमः ॐ त्र्यम्बके नमः ॐ अस्तु ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

ॐ

NAMAḤ SARVA TATĀHATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ_ SARVATHĀ KHAḤ UDGATE SPHARA HĪMAḤ GAGANAKAḤ_ SVĀHĀ

_Tiếp lại cầm lò hương
Tụng **Trị Lộ Minh** là

“ **Án _ Tô tất địa yết li, nhập phộc lý đa nan, đa mộ đa duệ, nhập phộc la nhập phộc la, mãn đà mãn đà, ha năng ha năng, hồng, phát tra**”

ॐ ॐ(ॐ)ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)ॐ(ॐ)
OM_ SUSIDDHI KARI_ JVALITĀNAM TAMUTTAYE JVALA JVALA
BANDHA BANDHA HANA HANA HŪM PHAT
Trong không có Quan Kiện (Cái khóa của cửa ải)
Và trừ điều chương nạn

_Tiếp kết **Bảo Lạc xa**
Mời thỉnh các Thánh chúng
Một xe kèm quyền thuộc
Tùy ý mà phụng thỉnh
Hai tay cài bên trong
Đuỗi Tiên Lược (2 ngón trỏ) vịn nhau
Thiền Trí (2 ngón cái) vịn Tiên Lược (2 ngón trỏ)
Vạch thứ nhất cạnh gốc
Mở cổ tay hết cỡ
Lưng ngón dính lòng tay



Tụng Chân Ngôn ba biên
Thành **Thất Bảo Lạc Xa**
“ **Án_ Đồ lỗ đồ lỗ, hồng**”
ॐ ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ) ॐ(ॐ)
OM_ TURU TURU HŪM

_Nhớ nơi Bản Tôn ngự
A Noa Ca Phộc Đề
Tưởng ngự Xa Lạc xong
Tiếp theo nên Phụng Thỉnh
Dựa **Bảo Lạc Xa** Ấn trước

Bật Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) Thiên Trí (2 ngón cái)
Hướng trong thành **Thỉnh Khế**



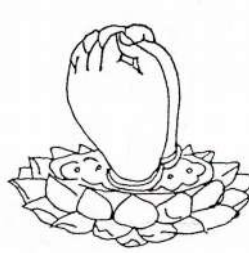
Tụng Chân Ngôn như sau

“**Năng ma tát để lị dā địa vĩ ca nam, tát phộc đát tha nghiệt đa nam. Án Phộc nhật lãng nghĩ na dā, ca la sái dā, ể hệ duệ tứ** (Nếu Phụng Tống liền trừ bỏ chữ ể hệ tứ) **bạc nga vãn, sa phộc hạ** “

ॐ ह्रीं अक्षयिणी नमो भगवते वासुदेवाय ॐ वज्रध्वज ध्वज ॐ ह्रीं ॐ

NAMAḤ STRIYADHVIKĀNĀM SARVA TATHĀGATĀNĀM_ OM VAJRĀṂGNIYA AKARṢAYA EHYEHI BHAGAVAM_ SVĀHĀ

_Thánh Giả lên xe báu
Kim Cương giá ngự đến
Nên dùng **Bộ Tâm Khế**
Thỉnh giảng vào Đạo Trường
Hai tay cài bên trong
Thiên (Ngón cái phải) vào giữa Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Thành quyền, dựng Trí Độ (Ngón cái trái)



Mối Triệu, tụng Minh sau

“ **Án_ Phộc nhật la địa lực, ể hế duệ tứ, bà nga vãn, phộc nhật la đặc lực** [Nếu Phụng Tống thời bỏ ể hệ tứ (ॐ ह्रीं:Ehyehi) và thêm Tán Sai Tán Sai (ॐ ह्रीं ह्रीं:Gaccha gaccha)]

ॐ वज्रध्वज ॐ ह्रीं ॐ वज्रध्वज

OM VAJRA DHṚK_ EHYEHI BHAGAVAM VAJRA DHṚK

Nâng **Khế** lại nên chuyển

Tiếp duỗi Độ Nhân Nguyệt (2 ngón giữa)

Tự nâng kèm Tiến Lục (2 ngón trỏ)

Cùng cài trên **Hữu Cự**

Như mắt chuyển động chậm

Trừ diệt các điều chướng

Câu Chân Ngôn như sau

Chuyển bên phải ba vòng

phát”

ॐ वज्रक्रोडमन्त्रवले कृत्कृत् कृत् क्रोडं

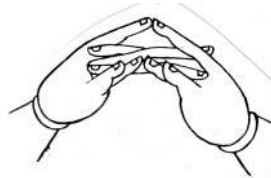
OM_VAJRA KRODHA MAHĀ-BALA KARA KARA, CCHINDA
CCHINDA, HŪM PHAT

Tiếp kết **Kim Cương Võng**

Thiền (ngón cái phải) vịn dưới gốc Tiến (ngón trỏ phải)

Trí (ngón cái trái) cũng vịn Độ Lục (ngón trỏ trái)

Vạch thứ nhất cạnh góc



Xung Chân Ngôn như sau

Tường được lưới phủ dày

“ Án_Vĩ tắc phổ la nại la, khát xoa, phộc nhật la bán nhạ la, hồng phát”

ॐ विष्णुर्वज्रं चक्रं क्रोडं

OM_VISPHURAD RAKṢA VAJRA PAṂJALA HŪM PHAT

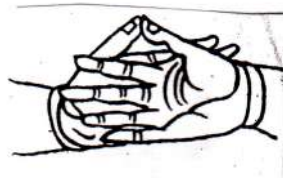
Hỏa Viện Mật Phúng Khé

Hai tay đều kèm duỗi

Dùng Tuệ (Tay phải) đè trên Định (tay trái)

Duỗi thẳng Độ Thiền Trí (2 ngón cái)

Chuyển bên phải ba vòng



Đều tụng Mật Ngôn sau

“ Án_Ha sa tăng nghĩ nễ, hồng, phát tra”

ॐ ह्यसामग्निं क्रोडं

OM_ASAMĀGNI HŪM PHAT

Vòng ngoài **Tường Kim Cương**
Hùng hực lửa uy mãnh
Thành **Giới** bền chắc xong
Không thể làm tiêu hoại

_ Nên nâng bên gôi phải
Bình nước thơm **Át Già**
Dâng ngang bằng vàng trán



Tụng Đại Tâm Chân Ngôn
Ân cần cầm dâng hiến
Thành rửa chân Thánh Chúng
Tâm cầu nguyện ước mong
Nơi đây bày tỏ hết
Hơi tậy rửa bình rỗng
Đề nước ngang **Bản Vị**

_ Liên Hoa Bộ như trước
Kết Tam Muội Gia ấy
Nên cong đầu sáu Độ (6 ngón tay)
Như thế sen hé nở
Tường làm cánh Kim Cương
Tụng Chân Ngôn ba lần
“ **Án Phộc nhật la, vị la dã, sa phộc ha**”
ॐ वज्र विरया स्वहा
OM VAJRA VIRAYA SVĀHĀ
Như trước vận **tướng** thành
Mọi áo, Tòa Thánh Chúng

_ Tiếp ngang tim cúng dường
Thêm nước có các hoa
Hái hoa không có chủ
Khắp hư không mười phương
Người, Trời, mây hương xoa
Mây hương đốt, đèn sáng
Dù, lọng với phướng, phan
Trống, nhạc, ca hát, múa

Võng lưới diêu, trân châu
 Rũ treo các chuông báu
 Phất trần trắng, vòng hoa
 Mọi hương hoa vi diêu
 Căng Yết Ni làm võng
 Cây Báo Vương Như Ý
 Mây bệp trời, quần áo
 Thơm tinh khiết mỹ diêu
 Điểm tô lầu gác báu
 Anh Lạc với mào Trời
 Mây cúng dường như vậy
 Trần đây Hư Không Giới
 Thành Tâm mà vận tượng
 Lại dùng Ấn Chân Ngôn
 Nơi lực Thánh gia trì
 Cùng hợp kho Hư Không
 Chúng Thánh sẽ thọ dụng
 Chân thật không có lạ
 Mươi ngón giao ngược nhau
 Phải đè Trái, chấp tay



Nâng Ấn đặt trên đỉnh
 Dùng **Lâu Các Chân Ngôn**
 Tiếp dùng **Mỹ Ngôn Âm**
Kim Cương Diêu Ca Tán

“Ma ha ma la gia, tán noa dã, vĩ nễ dã, la nhạ dã, nan nê ninh, vĩ năng dã ca, địa lệ đa, nương dã. Na mạc câu lỗ đà dã, phộc nhật lệ nễ”

महामलया तन्वाद्या विद्याराज्या दान्दाने विनायका
 धरृक्तं ज्ञाना नामा क्रोधाया वाज्रिणि

MAHĀ-BALĀYA CAṆḌĀYA VIDYA-RĀJĀYA DAṆḌANE VINĀYAKA
 DHRṚKTĀ JÑĀYA _ NAMAḤ KRODHĀYA VAJRIṆI

_ Co Giới Phương (2 ngón vô danh) Tiên Lực (2 ngón trỏ)
 Chấp tay giữa trống không
 Liên thành **Bộ Mẫu Khế**
 Tụng **Minh**, Ý vắng lặng
 Bảy biến hộ Bản Tôn
 “ **Ấn_ Củ lãn đà lệ, mãn đà mãn đà, hồng, phát tra**”

ॐ कुलधरि बन्धा बन्धा हुम् फट्

OM_ KULANDHARI BANDHA BANDHA HŪM PHAT

_Châu bàn (châu ngọc) trong Hợp Chưởng (2 tay chấp lại)
Tụng Đại Tâm bảy biến

_Trí (ngón cái trái) Phương (ngón vô danh trái) tự vịn nhau
Thiên (ngón cái phải) Giới (ngón vô danh phải) cũng như vậy
Duỗi thẳng các ngón khác
Tiền (ngón trở phải) vịn ở lưng Nhãn (ngón giữa phải)
Lực (ngón trở trái) cũng phụ trên Nguyệt (ngón giữa trái)
Dùng hai tay nâng châu
Suy tư trong tim mình
Sáng trắng tựa trăng tròn
Rõ ràng trụ quán xong
Tướng chân nghi **Bộ Mẫu**
Mật Ngôn đã tu trì
Từ miệng mà tuôn ra
Chữ chữ màu vàng ròng
Tỏa vô lượng hào quang
Nối nhau như lần chuỗi
Tự đi vào miệng người
Rải bày trên vành trăng
Biến sắc tùy Bản Tôn
Diễm Man (vòng hoa lửa) tự luồn nhau
Câu văn không sai lầm
Hành Nhân: Tướng uy vũ
Xưng tụng **Bí Chân Ngôn**
Quy mệnh **Án** (ॐ.OM) Tịch Trừ
Ý sân mãnh (giận dữ mạnh mẽ của văn
Giới chữ cuối nên lần
Một hạt bằng với câu
Nên trì niệm hết sức
Cần phải chận đứng **Hành** (Saṃskāra)
Lần chuỗi trong lòng tay
Như trước lại gia trì
Đỉnh đội hoàn (quay lại) **Bản Xứ**
Khoảng khắc trụ **Tịnh Quán**
Thành thật tướng **Thật Tướng**

_Tiếp ra khỏi Định (Samādhi) xong
Ánh vàng ròng Chân Ngôn
Từ miệng như lần chuỗi

Dâng về nơi **Bộ Mẫu**
Nên cầu nguyện như vậy
“*Nhiếp thụ Chân Ngôn này*
Xin Từ Bi gia hộ
Không để mất công dụng
Biến số đã trì được”

_ Tụng **Bộ Mẫu** gia trì
Bảy biến làm ủng hộ
Nên tác Pháp như vậy
“*Tất cả loại Hữu Tình*
Các khổ não bức thân
Ở trong Bồ Đề ấy
Chẳng nhận nổi Pháp Khí
Con ngang bằng Đấng ấy
Chẳng phạt nhô riêng mình
Nguyện xin Phật Thế Tôn
Thành tựu hoàn biến số”
Khế Tam Muội ba **Bộ**
Trùng tác như lúc đầu

_ Tiếp hộ thân Bản Tôn
Dùng **Bộ Mẫu Ấn** trước
Dâng Át Già bên trái
Phụng hiến tỏ ước mong
Nghĩ thức chẳng khác trước

_ Tiếp vận Tâm cúng dường
Hỏa Viện Mật Phúng Ấn
Buông bên trái đỉnh đầu
Các Ấn đều giải trừ
Nên **Phụng Tống** Thánh Chúng
Giáng Nhập Đạo Trường Khế
Trí Độ (ngón cái trái) gảy búng ngoài
Lại kết **Thỉnh Lạc Xa**
Thánh Chúng ngự trên đó
Sửa Thiên Trí (2 ngón cái) bặt ngoài
Tưởng về ở **Bản Cung**
Như trước Hộ Thân mình

_ Tùy ý ngoài Đạo Trường
Ấn Thập nên chuyển niệm
Kinh Đại Thừa Phương Quảng

_ Tiếp bày bốn **Vi Diệu**
Nghi Quy nên tu tập
Phiên Đê Ca (Śāntika) Tịch Tai
Thông minh và trường thọ
Kèm Pháp trừ oán họa
Mặt Bắc chéo ống chân
Dựng gối, ống chân phải
Quần áo phải trắng tinh
Uống ăn, hương hoa, đất
Đèn đuốc cũng như vậy
Vành trắng bày Chân Ngôn
Văn Tự cũng màu trắng
Trước kèm **Quy Mệnh** tụng
Hai mươi một (21) liền trừ
Từ **Án** (ॐ_ OM) khởi đầu tiên
Cho con tên (.....) trừ oán
Sa Phộc Ha (ॐ:SVĀHĀ) sau cùng
Vốn không có việc cần (lâm sự)
Dùng tiếng nhỏ: niệm tụng
Ý cần phải vắng lặng

_ Nếu như làm **Đại Đàn**
Đàn hình lò tròn trịa
Ở trong bày Nê Luân (Luân bùn)
Hộ Tôn Tướng phần nộ

_ Nếu mong cầu Tăng Ích
Tên Bồ Sát Trí Ca (Puṣṭika)
Ngũ Thông với Chuyển Luân
Bảo Tạng, Luân, Kiếm, Chày
Đến tất cả tài vật
Cùng thuốc viên, nhãn dược
Mặt Đông ngồi Kiệt Già
Màu sắc là màu đỏ
Thêm bớt câu Chân Ngôn
Như trước không làm khác
Muốn xưng Sa Phộc Ha (ॐ:SVĀHĀ)
Sự mong cầu như nguyện
Tiếng nhỏ, ý vắng lặng
Hộ Tôn tác phần nộ
Hỏa Đàn đào lò vuông
Đặt Chày Vồ **Tam Cổ**

_ Nếu cầu Pháp Hoan Ái
Tên Phộc Thi Ca La (Vaśikaraṇa : Kính Ái)
Triệu Người với Trời , Rộng
Quý Thân, loài Phi Nhân
Mặt Tây ngồi Bán Già
Trên cũng đồng tăng trưởng
Thêm bớt **Văn Quy Mệnh**
Sa Phộc Ha (𑖦𑖧𑖨 :SVĀHĀ) cũng vậy
Cho con tên (....) nhiếp con
Thành tựu nguyện mong cầu
Trì **Minh**, Tâm vui vẻ
Hộ Tôn: ý vắng lặng
Kèm dùng Tướng phần nộ
Hai loại đều hộ giúp
Lò như sen tám cánh
Hé nở đủ đài nhụy

_ Nếu làm Pháp Giáng Phục
A Tỳ Già Lỗ Ca (Abhicāruka)
Chê Quý Thân, người ác
Tồn hoại cho Tam Bảo
Ngón chân phải dè trái
Mặt Nam ngồi **Tông Cú** (ngồi xôm)
Là hình Đại Phần Nộ
Các màu sáng xanh đen
Quán **Viên Minh** trong tim
Biến đồng Đại Nhật Luân
Rực rỡ không cùng nhóm
Phát huy như lửa mạnh
Quy mệnh theo **Tụng** trước
Trừ bỏ Sa Phộc Ha (𑖦𑖧𑖨 :SVĀHĀ)
Nguyện cho con tên (.....) thành
Việc này (.....) Hồng, phát tra (𑖦𑖧𑖨 :HŪM PHAT)
Trong đặt Chày **Độc Cỗ**
Ráng xung mạnh Chân Ngôn
Cạnh người nghe thế nào
Hộ Tôn ý vắng lặng
Sự Pháp tự tình bày
Tương ứng đặt Bản Tôn
Chính giữa là cái lò
Hoặc bên ngoài Tĩnh Thất
Lò đối thẳng Bản Tôn
Trị Địa khoảng hai khuỷu

Hình tùy thế miệng lò
 Thêm bậc cao một ngón (1 ngón tay)
 Khoảng giữa đào một khuỷu
 Sâu nửa khuỷu thành lò
 Chung quang cao bốn ngón
 Ngoài một thốn làm vuông
 Lò thành như **Pháp Tri**
 Luân, Chày, bùn làm xong
 Đặt giữa xứng **Nền** đó
 Cù Ma Di xoa điếm
 Nhóm Đàn Hương lại cho
 Màu sắc tùy việc cầu
 Cỏ **Tường Mao** trên thêm
 Tùy ngày, rải vòng phải
 Đem gốc che mâm ấy
 Vật đốt tại cỏ Tranh
 Sát tay phải Hành Nhân
 Hai bình nước Át Già
 Đặt cỏ Tranh bên trái
 Củi cũng tùy loại dùng
 Chặt dài mười ngón tay
 Trong bơ, Mật, sữa, lạc
 Thấm hai đầu củi ấy
 Nửa lò rục lửa than
 Thêm cũng khởi lửa mạnh
 Đốt đùng dùng củi cũ
 Đùng dùng miệng thổi lửa
 Lò rục tụng **Minh** sau
 Ba biến thành Gia Hộ
 “**Án_ Hộ nhập phộc la, hồng**”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 OM BHŪH JVALA HŪM
 Lửa đã phát ánh lửa
 Nên dùng Phần Nộ Vương (Krodha-rāja)
 Tuôn cầu hay tĩnh trừ
Bí Khế kết như vậy
Hai tay cùng dính lưng
Đem tám ngón móc đầu
Chuyên ngược cổ tay hợp
Thành quyền , ấn khắp vật
 Mỗi chạm đều xưng tụng
 Tiếp **Bí Chân Ngôn** sau
 “**Án_ Chỉ lý chỉ lý, phộc nhật la, hồng, phả tra**”

ॐ किलिकिला वाज्रा हुं फट्
OM _ KILIKILA VAJRA HŪM PHAṬ

_ Tiếp nên thỉnh Hỏa Thiên (Agni-Deva)
Duỗi thẳng bàn tay Tuệ (tay phải)
Ngang Thiên (ngón cái phải) nẹp vào chưởng (lòng bàn tay)
Khẽ đem Tiến Độ (ngón trỏ phải) **Triệu**
Mỗi **Triệu** tụng **Minh** sau
Ba biến Hỏa Thiên đến
“ **Án_ É** hệ duệ tứ, ma ha bộ đa, nê phộc, li sử nễ vĩ , nhạ sa đa ma, ngật li tứ
đát phộc, hộ đề , mãng ha la ma tác nê tán nễ tứ, đố bà phộc, a ngật năng duệ, hạ vĩ dã,
ca vĩ dã, phộc ha năng dã, sa phộc hạ”

ॐ ऋषिमाहात्म्यं नमो भगवते वासुदेवाय
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
O,M _ EHYEHI MAHĀ-BHŪTA-DEVA, ṚṢI-DEVI JASATTAMA
GRHITVĀ DŪTI MAHĀ-RAMA SMISAṀ NIHITOBHAVA AGNIYE_ HAVYA
KAVYA VĀHĀ NĀYA _ SVĀHĀ

_ Liên tưởng vào trong lò
Tiếp kết **Tam Muội Gia**
Thiên (ngón cái phải) vịn đầu Đàn Độ (ngón vô danh phải)
Duỗi Ba La Mật khác (các ngón tay khác)
Rưới thẳng nước Át Già
Ổ lửa thành **Tĩnh Trừ**
Ba lần rưới tụng **Minh**
Chân Ngôn Cú như sau
“ **Án_ A** mật li tế, ha năng ha năng, hòng, phát tra”

ॐ अमृते हाना हाना हुं फट्
OM _ AMṚTE HANA HANA HŪM PHAṬ

_ Tiếp dùng tay Tuệ ấy (bàn tay phải)
Chuyên phải rưới Át Già
Tụng **Văn Thù Mật Ngôn**
Tưởng Xúc miệng Hỏa Thiên
“ **Án_ Phộc** la ná, phộc nhật la, đàm “

ॐ वारदा वाज्रा धाम्
OM _ VARADA VAJRA DHAM

_ Định Vũ (tay trái) cầm muống lớn
Tuệ (tay phải) nên cầm muống nhỏ
Ba lần lấy Danh Tô (loại bơ tốt)
Rưới đầy cái muống lớn
Tuệ (tay phải) bỏ Tiểu (muống nhỏ) nắm Đại (muống lớn)

Có **Kiểm Đẳng** đè xuống
Tụng tiếp Chân Ngôn sau
Hết câu rưới trên lửa

“A ngật nẳng duệ, ha vĩ dã, ca vĩ dã, phộc la nẳng dã, nễ ba dã, nễ ba dã, nễ
ba dã, sa phộc hạ”

𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖰𑖱𑖲𑖳 𑖴𑖵𑖶𑖷 𑖸𑖹𑖺𑖻 𑖼𑖽𑖾𑖿 𑗀𑗁𑗂𑗃 𑗄𑗅𑗆𑗇

ANGAYE HAVYA KAVYA VĀHĀ NĀYA DĪPYA DĪPYA DĪPAYA_
SVĀHĀ

Mỗi khi đến chữ **Ha** (𑖀 :HĀ)

Đều dẫn tiếng hô dài
Lui muống **Không** đè xuống
Âm ấy cùng lúc xong
Chẳng thêm loại **Kiểm Được**
Chỉ rưới chẳng đè xuống
Đây tức **Tế Hỏa Thiên**
Ba lần đều như thế
Y trước nên **Tĩnh Hỏa**
Xúc miệng dùng **Văn Thù**
Thỉnh Hỏa Thiên rời lò
Ngôi vị trí Đông Nam
Nên bày các cúng dường

_ Tiếp thỉnh **Bộ Chủ Tôn**
Trong lò, xa Hành Nhân
Đề tướng y vị trí
Lại niệm **Bản Tôn** vào
Trong lò, gần Hành Nhân
Cùng tương đương **Bộ Chủ**
Hai Thánh nghiêm đối nhau
Phần Nộ Vương tuôn cầu
Tĩnh Hỏa **Minh xúc miệng**
Như Pháp làm lần nữa
Hai tay trụ khoảng gối
Như trước **Tế Hỏa Thiên**
Liên hiến ba muống bơ
Mỗi nhiễu tưởng thân mình
Bản Tôn và Bộ Chủ
Lửa với nhóm Thuốc, Kiểm
Một tướng không có khác
Năm Thế đã hợp đồng
Đều dùng Bản Minh hiến
Như vậy cúng dường xong
Tùy việc cầu Hộ Ma

Quán tương ứng nơi thiêu
Thế muồng hoặc thế tay
Cần nên dùng loại muồng
Lấy muồng nhỏ tròn, rửa
Cầm xong duỗi Tiến Độ (ngón trở phải)
Khiến thuận nơi cán ấy
Đàn Giới (2 ngón út) với nhóm Nhẫn (2 ngón giữa)
Cùng đè đầu Thiên Độ (ngón cái phải)
Tay Định (tay trái) bấm châu ấy
Một tụng một thêm lửa
Biến số đã xong rồi
Như trước đều hiển bày
Hai Thánh quy về **Đàn**
Lại **Thỉnh Hỏa Thiên**, lễ
Ba muồng dầu lớn xong
Y vị trí lúc đầu
Nên cần **Tế tám phương**
Mỗi mỗi đều nên **Thỉnh**
Giải Giới như **Nghi Tống** (đưa tiễn)

Hỏa Thiên Khế, tiếp bày
Như trước lúc **Triệu Thỉnh**
Tiền (ngón trở phải) Thiên (ngón cái phải) cùng vịn nhau
Tụng **Minh** sau một biến
Hỏa Thiên quay về cung
“ **Bố nhĩ đồ đồ ma dã bạc đề dã, ngiệt sai, a ngật nễ, sa phộc bà phộc nam,**
bổ năng la bả dạ na dã, sa phộc hạ”

पूजितोसिमया भक्त्यागच्छाग्निस्वभवावनां पुनरा
PŪJITOSIMAYĀ BHAKTYĀGACCHA AGNI SVABHĀVANĀM PUNARA
PYĀGAMĀDAYA _ SVĀHĀ

Như trước **Hộ Thân** mình
Chúng Ma chẳng dám quấy
Nếu mộng: Phật, Bồ Tát
Kim Cương, các Thiên Vương
Bà La Môn, Cư Sĩ
Ăn gạo cánh, uống bơ
Sữa, Cam Lộ, hoa quả
Rừng hoa hoặc lên núi
Đền Tháp hoặc lầu gác
Hoặc ngồi xe, ngựa, voi
Hạc trắng, Khổng Tước Vương
Kim Xí Điểu, đồng loại

Nổi trên biển sông xanh
Tự tại bay trên không
Lửa mạnh tỏa khắp thân
Hoặc nghe trong Pháp Tòa
Vớo thỉnh việc thanh tịnh
Đây đều ứng thành tựu

_ Thức xong, chợt ngủ lại
Nếu mộng: người cao lạ
Lợn, lừa, chó, lạc đà
Hoặc riêng hoặc sát cạnh
Xác chết cũng như vậy
Ác Quỷ, Đàng đáng sợ
Là chướng chẳng thành tướng
Hoặc có quên niệm khởi
Trái ngược Tam Muội Gia
Nếu tụng Chân Ngôn này
Dùng trừ lỗi lầm ấy
Chày Kim Cương như trước
Sửa Tiên Lục (2 ngón trỏ) hợp nhau
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) y cạnh móng
Buộc bên trên dính nhau
Chân Ngôn, tụng như sau
Hai mươi một trừ chướng
Đại Luân Minh là

“ Ná mô tát đề lị dã địa vĩ ca nẫm, dát tha nga đá nẫm. Án, vĩ la nhĩ vĩ la nhĩ,
ma ha phộc nhật lị, tát đá tát đá, sa la đề sa la đề, đá la dã đá la dĩ, vĩ đam mật nễ,
đam bán nhạ nễ đá la mật đề, tát đà, nghiệt lệ, dát lam, sa phộc hạ”

ॐ नमो श्रियध्विकानाम सर्वा तथगतानाम ॐ
सगसग सरिग सरिग वधवध विदमल संकल वमल महिद्यं संक

NAMAḤ STRIYADHVIKĀNĀM SARVA TATHĀGATĀNĀM ॐ
VIRAJI VIRAJI MAHĀ-CAKRA VAJRI SATA SĀRATE SĀRATE
TRAYI TRAYI VIDHAMANI SAMBHAMJANI TRAMATI SIDDHA AGRI
TRĀM SVĀHĀ

Phàm lúc nơi **Quán Tưởng**
Nhắm mắt, tác Tâm nghĩ
Mỗi mỗi rõ ràng xong
Hộ Thế, Trờ tám phương
Chân Ngôn như sau nói
Bát Phương Thiên Minh
1) Ma Hê Thủ La Vương (Mahesvara-rāja)
Vị trí góc Đông Bắc

Chân Ngôn xưng như sau
Nơi chư Thiên tôn phụng
“**Án_ Lỗ nại la dã, sa phộc hạ**”
ॐ रुद्राय नमः
OM_ RUDRĀYA_ SVĀHĀ

2) Phương Đông là vị trí của Đế Thích (Indra). Chân Ngôn là :
“**Án_ Thiết yết la dã, sa phộc hạ**”
ॐ शक्राय नमः
OM_ ŚĀKRĀYA _ SVĀHĀ

3) Phương Đông Nam có tên là Hỏa Thiên (Agni Deva). Chân Ngôn là:
“**Án_ Á ngật năng duệ, sa phộc hạ**”
ॐ अग्नये नमः
OM_ AGNAYE _ SVĀHĀ

4) Phương Nam là vị trí của Diêm La Thiên (Yama Deva). Chân Ngôn là:
“**Án_ Phệ phộc sa phộc dã dã, sa phộc hạ**”
ॐ यमयै नमः
OM_ VAIVASVATĀYA _ SVĀHĀ

5) Phương Tây Nam là La Sát Chủ (Rākṣasa Adhipati) . Chân Ngôn là:
“**Án_ A khát xoa sa địa bả đa duệ, sa phộc hạ**”
ॐ राक्षसधृपतये नमः
OM_ RĀKṢASA ADHIPATĀYE _ SVĀHĀ

6) Phương Tây là vị trí của Thủy Thiên (Varuṇa Deva). Chân Ngôn là:
“**Án_ Minh già xả năng dã, sa phộc hạ**”
ॐ मेघशनिाय नमः
OM_ MEGHĀŚĀNIYA _ SVĀHĀ

7) Phương Tây Bắc là vị trí của Phong Thiên (Vāyu Deva). Chân Ngôn là:
“**Án_ Phộc dã phệ, sa phộc hạ**”
ॐ वायवे नमः
OM_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

8) Phương Bắc là Tỳ Sa Môn Thiên (Vaiśravaṇa Deva). Chân Ngôn là:
“**Án_ Dược khát xoa vĩ nễ dạ đà lệ, sa phộc hạ**”
ॐ यक्षविद्यधरि नमः
OM_ YAKṢA VIDYADHĀRI _ SVĀHĀ

Nghinh Thỉnh Tôn tám phương

Lại nên làm **cúng dường**
Tùy việc nguyện cầu ấy
Đều dùng **Bản Chân Ngôn**
Phạm lập Man Trà La (Maṇḍala :Đàn)
Với hương, các việc Pháp
Đều thí cúng dường trước
Thức ăn uống, hương, đèn
Át Già, hương, dầu thơm
Vật đều bày chung quanh
Vĩnh viễn không có chướng
Ước nguyện đều vừa ý
Bản Tôn và Bộ Chủ
Đều dùng **Bản Chân Ngôn**

Trong phần tựa Hiến Bơ, người xưa nói rằng:” *Uy dĩ tranh trịnh* (đi lượm tranh ném . Thỉnh về sửa lại là *Uy Di Luân Trịnh* (lượm về dờ vòng, ném) »

Lại phần của Quyển Hạ : “*Trong Pháp Tâm Mật Ngôn, người xưa ghi là Nếu được Mãng La Diệp Bạc Già, được Bạc Già Xưng*”

Lại Đốt Lỗ Sắt Kiếm , miếng vụn của Tô Hợp Hương hòa dầu hạt cải bỏ vào trong lửa 1008 lần khiến mọi người quy kính Người tu Chân Ngôn

Thỉnh về sửa lại là : “*Nếu mảnh vụn của Linh Lăng, Thiên Trúc Tô Hợp Hương hòa với dầu hạt cải bỏ vào trong lửa 1008 lần khiến người vào trong Nghi Phước Đức*”

Người xưa nói 4 câu thỉnh thêm. Các màu sắc trên là màu xanh đen, Viên Minh dần dần trong trái tim biến dùng Đại Nhật Luân, rực rỡ không cùng nhóm, phát riêng như lửa mạnh.

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/05/2012